

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11- 6- 2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ký; bà Trần Thị Hợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 6- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1001/2026/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2026 giữa:

Nguyên đơn: Ông [Vũ Minh D](#), sinh năm 1938; CCCD số 038038005156

Cư trú tại: [Thôn M, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt)

Bị đơn: Bà [Nguyễn Thị V](#), sinh năm 1946; CCCD số 038146006624

Cư trú tại: [Thôn M, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2025 và bản tự khai nguyên đơn ông [Vũ Minh D](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà [Nguyễn Thị V](#) lấy nhau năm 1967 nhưng do ngày xưa chưa thuận lợi nên ông và bà [V](#) chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông và bà [V](#) sinh được 6 người con gồm: [Vũ Thanh V1](#), sinh năm 1968, [Vũ Minh L](#), sinh năm 1970, [Vũ Văn B](#), sinh năm 1972, [Vũ Văn T](#), sinh năm 1975, [Vũ](#)

[Thị H](#), sinh năm 1981, [Vũ Ba T1](#), sinh năm 1983. Đến nay các con của ông đều trưởng thành và có gia đình riêng.

Trong quá trình chung sống, ông và bà [V](#) có nhiều mâu thuẫn trầm trọng về quan niệm sống, lối sống, cách cư xử mà không thể sửa chữa được, ông đã có ý định ly hôn với bà [V](#) từ rất lâu nhưng nghĩ đến các con nên ông chờ đợi đến khi dựng vợ, gả chồng cho các con xong rồi ông mới ly hôn. Đến năm 2015, các con ông đã trưởng thành, ông thấy tình cảm giữa ông và bà [V](#) không còn, ông và bà đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình cảm không còn, ông muốn chấm dứt hôn nhân giữa ông và bà [V](#) nên năm 2019 ông đã làm đơn ly hôn nhưng không được Toà án giải quyết. Đến nay, mâu thuẫn giữa ông và bà [V](#) ngày càng trầm trọng, tình cảm giữa ông bà đã hết, không thể tồn tại quan hệ hôn nhân nữa nên nguyện vọng của ông lúc cuối đời là đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà [V](#).

- Về con cái: Ông bà có 06 người con chung gồm [Vũ Thanh V1](#), sinh năm 1968, [Vũ Minh L](#), sinh năm 1970, [Vũ Văn B](#), sinh năm 1972, [Vũ Văn T](#), sinh năm 1975, [Vũ Thị H](#), sinh năm 1981, [Vũ Ba T1](#), sinh năm 1983. Các con ông đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận với nhau và không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại văn bản ngày 03/02/2026 bị đơn bà [Nguyễn Thị V](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà không thấy có lý do phải ly hôn. Bà và ông [Vũ Minh D](#) kết hôn năm 1967, đến nay đã 59 năm. Trong suốt cuộc sống hôn nhân ông bà không ai có tình cảm nam, nữ ngoài chồng, ngoài vợ, không ai có con riêng, không ai có tài sản riêng. Vợ chồng đã cùng nhau sinh ra và nuôi dạy 6 người con, 4 trai, 2 gái. Các con đều được học hành (03 con có trình độ thạc sỹ, 01 con có trình độ cử nhân, 02 con học nghề và hiện tại đang làm chủ doanh nghiệp), các con đều có cuộc sống ổn định, gia đình hạnh phúc. Đặc biệt các con dù đều đã có gia đình riêng nhưng luôn đoàn kết, yêu thương nhau và đều hiếu thảo, hết lòng chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Ông bà đã có 14 cháu nội ngoại và 01 chất, có 02 cháu là thạc sỹ- bác sỹ, 01 cháu là kỹ sư làm việc tại nước ngoài, 01 cháu đang du học nước ngoài, các cháu còn nhỏ đều chăm ngoan, hiếu thảo. Như vậy, gia đình ông bà đã thực sự là rất có phúc. Dù vợ chồng bà có lúc, có việc không được hoà hợp thì đó cũng là chuyện thường tình của cuộc sống.

Thứ hai: Năm nay bà đã tròn 80 tuổi, chồng bà đã 87 tuổi, ông bà đều đã tuổi cao, sức yếu, bệnh tật nhiều, cuộc sống gần như phụ thuộc sự chăm sóc của con cháu, thời gian còn sống trên đời tính bằng số ngày; vì vậy việc ly hôn không nhằm đạt được mục đích gì chính đáng. Ngược lại, nếu ông bà ly hôn không chỉ làm cho những năm tháng cuối đời của bà buồn khổ, làm tổn thương con cháu, tan vỡ gia đình mà còn tạo hiệu ứng tiêu cực, gây phản cảm cho xã hội.

Thứ ba: Đến thời điểm hiện tại, tài sản duy nhất của bà có 01 căn nhà chung được xây dựng phần lớn bằng sự hỗ trợ của các con. Nhưng trong đơn yêu cầu ly hôn của ông [Vũ Minh D](#) không đề cập việc đồng thời giải quyết vấn đề tài sản chính là nơi sinh sống của ông bà sau ly hôn. Vì vậy, bà càng không thể thuận tình ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 27/3/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo ngày 19/3/2026, tuy nhiên, bà [Nguyễn Thị V](#) vắng mặt không có lý do. Ông [Vũ Minh D](#) có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Trợ giúp viên pháp lý bà [Hoàng Thị T2](#) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông [Vũ Minh D](#) trình bày quan điểm:

Thứ nhất: Ông [Vũ Minh D](#) và bà [Nguyễn Thị V](#) về sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn, nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Nay ông [D](#) yêu cầu được ly hôn với bà [V](#) với lý do ông bà không còn tình cảm, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, gặp nhau là chửi, đánh nhau, mặc dù được gia đình, Tòa án hòa giải để ông bà hàn gắn với nhau. Bà [V](#) cũng như các con của ông bà không đồng ý ly hôn nhưng ông [D](#) kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này cho thấy sự quyết tâm của ông trong việc đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà [V](#), việc yêu cầu ly hôn là nguyện vọng cũng là quyền của ông [D](#). Do vậy đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [D](#).

Thứ hai: Về con chung: Các con của ông bà đã trưởng thành nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Thứ ba: Về tài sản: Ông bà không đề nghị Tòa án xem xét.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên trợ giúp viên đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông [Vũ Minh D](#), xử cho ông [D](#) được ly hôn với bà [Nguyễn Thị V](#).

Về án phí: Ông [D](#) là người cao tuổi, người có công với cách mạng nên đề nghị miễn án phí cho ông [D](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và của người tham gia

tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Vũ Minh D](#)

- Về hôn nhân: Xử cho ông [Vũ Minh D](#) được ly hôn với bà [Nguyễn Thị V](#)

- Về con cái: Ông bà có 06 người con chung gồm [Vũ Thanh V1](#), sinh năm 1968, [Vũ Minh L](#), sinh năm 1970, [Vũ Văn B](#), sinh năm 1972, [Vũ Văn T](#), sinh năm 1975, [Vũ Thị H](#), sinh năm 1981, [Vũ Ba T1](#), sinh năm 1983. Các cháu đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên đề nghị miễn xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Bà [Nguyễn Thị V](#) trình bày ông bà có tài sản chung là 01 căn nhà được xây dựng phần lớn bằng sự hỗ trợ của các con tuy nhiên, bà [V](#) không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX dành quyền dân sự cho bà [V](#) khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

* Về án phí DSST: Ông [Vũ Minh D](#) có đơn đề nghị miễn án phí DSST nên đề nghị miễn án phí DSST cho ông [Vũ Minh D](#) vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Ông [Vũ Minh D](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho ông được ly hôn với bà [Nguyễn Thị V](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo hồ sơ dân sự thụ lý số 162/TB-TLVA ngày 03/11/2025 ông [D](#) cung cấp địa chỉ của bà [V](#) tại [thôn M, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#). Tại thông tin công dân từ hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sự bà [Nguyễn Thị V](#) cư trú tại 521/35/43 [Nguyễn Tri P, kp B](#). TAND khu vực 6- Thanh Hoá đã chuyển hồ sơ theo thẩm quyền cho TAND khu vực 16- [TP](#). giải quyết. Tuy nhiên, TAND khu vực 16- [TP](#). xác minh bà [V](#) không sinh sống tại địa chỉ nêu trên và chuyển lại hồ sơ cho TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết nên ngày 26/01/2026 TAND khu vực 6- Thanh Hoá thụ lý vụ án số 26/TB-TLVA và xác định bà [V](#) đã chuyển nơi cư trú tại 521/35/43 [Nguyễn Tri P, kp B](#) về cư trú tại [thôn M, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#). Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, ông [Vũ Minh D](#), trợ giúp viên pháp lý bà [Hoàng Thị T3](#) có mặt, bà [Nguyễn Thị V](#) vắng mặt lần thứ

hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà [Nguyễn Thị V](#).

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về quan hệ hôn nhân giữa ông [D](#) và bà [V](#) thấy rằng: Ông [Vũ Minh D](#) và bà [Nguyễn Thị V](#) chung sống với nhau từ năm 1967 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 nên đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông [D](#) và bà [V](#) là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông [D](#) là vì quan niệm sống, lối sống, cách cư xử không hợp nhau, ông đã làm đơn ly hôn ở TAND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá nhưng Toà án bác đơn của ông, sau đó ông kháng cáo bản án của TAND Huyện Hà Trung, TAND tỉnh Thanh Hoá xử y án bản án của TAND huyện Hà Trung. Nay ông tiếp tục làm đơn vì ông thấy vợ chồng ông không thể chung sống với nhau được nữa, nên ông đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà [V](#). Bà [V](#) cho rằng ông bà đều đã tuổi cao, sức yếu, bệnh tật nhiều, cuộc sống gần như phụ thuộc sự chăm sóc của con cháu, thời gian còn sống trên đời tính bằng số ngày; vì vậy việc ly hôn không nhằm đạt được mục đích gì chính đáng. Ngược lại, nếu ông bà ly hôn không chỉ làm cho những năm tháng cuối đời của bà buồn khổ, làm tổn thương con cháu, tan vỡ gia đình mà còn tạo hiệu ứng tiêu cực, gây phản cảm cho xã hội. Nên bà không đồng ý ly hôn. Các con của ông bà đều có văn bản đề nghị Toà án không chấp nhận đơn ly hôn của ông [D](#).

HĐXX thấy, ông [D](#), bà [V](#) chung sống với nhau từ năm 1967 thời gian đã rất lâu. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà [V](#) phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách cư xử và không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông [D](#) xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ông [D](#) đã nhiều lần có muốn ly hôn và đến nay kiên quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông [D](#) và bà [V](#) đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông [D](#) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông [D](#) ly hôn với bà [V](#) là phù hợp.

- Về con cái: Ông bà có 06 người con chung gồm [Vũ Thanh V1](#), sinh năm 1968, [Vũ Minh L](#), sinh năm 1970, [Vũ Văn B](#), sinh năm 1972, [Vũ Văn T](#), sinh năm 1975, [Vũ Thị H](#), sinh năm 1981, [Vũ Ba T1](#), sinh năm 1983. Các con ông bà đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên HĐXX miễn xét.

- Về tài sản: Ông [D](#) không yêu cầu Toà án giải quyết, bà [V](#) trình bày vợ chồng có 01 căn nhà tuy nhiên bà không đề nghị Toà án giải quyết nên nếu bà [V](#) có yêu cầu thì dành quyền dân sự cho bà [V](#) khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí DSST: Ông [Vũ Minh D1](#) có đơn miễn án phí DSST vì là người cao tuổi nên miễn án phí DSST cho ông [Vũ Minh D](#) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

** Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Vũ Minh D](#)

- Về hôn nhân: Xử cho ông [Vũ Minh D](#) ly hôn với bà [Nguyễn Thị V](#)
- Về con cái: Ông bà có 06 người con chung gồm [Vũ Thanh V1](#), sinh năm 1968, [Vũ Minh L](#), sinh năm 1970, [Vũ Văn B](#), sinh năm 1972, [Vũ Văn T](#), sinh năm 1975, [Vũ Thị H](#), sinh năm 1981, [Vũ Ba T1](#), sinh năm 1983. Các con ông bà đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên miễn xét.
- Về tài sản: Ông [D](#) không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu bà [V](#) có yêu cầu thì dành quyền dân sự cho bà khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

** Về án phí DSST:* Miễn án phí DSST cho ông [Vũ Minh D](#) vì là người cao tuổi.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông [Vũ Minh D](#) vắng mặt bà [Nguyễn Thị V](#).

Ông [Vũ Minh D](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/6/2026), bà [Nguyễn Thị V](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Đường sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÓNG THỊ HÀ